

Số: **201** /2025/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **30** tháng **10** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và sàn giao dịch tín chỉ các-bon

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Căn cứ Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 229/TTr-STC ngày 28 tháng 9 năm 2025; Văn bản số 7492/STC-QLNS ngày 21 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và sàn giao dịch tín chỉ các-bon.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quyết định này quy định chi tiết quy định Khoản 4 Điều 5 Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng



Quyết định này áp dụng với các cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân tham gia các dự án thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và sàn giao dịch tín chỉ các-bon.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hiệu ứng nhà kính là hiện tượng năng lượng bức xạ của Mặt Trời được hấp thụ trong khí quyển, chuyển hóa thành nhiệt lượng gây hiện tượng nóng lên toàn cầu. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là hoạt động nhằm giảm nhẹ mức độ hoặc cường độ phát thải khí nhà kính, tăng cường hấp thụ khí nhà kính.

2. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính là lượng khí nhà kính của quốc gia, tổ chức, cá nhân được phép phát thải trong một khoảng thời gian xác định, được tính theo tấn khí các-bon dioxide (CO_2) hoặc tấn khí các-bon dioxide (CO_2) tương đương.

3. Tín chỉ các-bon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một tấn khí các-bon dioxide (CO_2) hoặc một tấn khí các-bon dioxide (CO_2) tương đương.

4. Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon là các cơ chế thực hiện việc đăng ký, triển khai các chương trình, dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tạo tín chỉ các-bon theo các phương pháp được quốc tế hoặc Việt Nam công nhận. Tín chỉ các-bon từ các chương trình, dự án được trao đổi trên thị trường các-bon hoặc bù cho lượng phát thải khí nhà kính vượt quá hạn ngạch được phân bổ.

5. Sàn giao dịch các-bon là hệ thống trao đổi, giao dịch tập trung hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

6. Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon là hoạt động mua, bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon.

7. Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) là đóng góp do quốc gia cam kết về ứng phó với khí hậu, bao gồm mục tiêu thích ứng và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, chính sách và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm đạt được các mục tiêu của Thỏa thuận Paris.

Điều 4. Các dự án tạo tín chỉ các-bon ưu tiên thực hiện trên địa bàn

Các Dự án nhằm giảm phát thải khí nhà kính ưu tiên thực hiện trên địa bàn trong một số lĩnh vực, đảm bảo hài hòa với các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với điều kiện hạ tầng, công nghệ và tài chính của thành phố và các doanh nghiệp gồm các dự án sau:

1. Lĩnh vực năng lượng:

a) Các dự án sử dụng năng lượng sạch trong công nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ;



b) Các dự án tăng cường sử dụng điều hòa nhiệt độ, tủ lạnh hiệu suất cao tại các hộ gia đình; tăng cường sử dụng đèn thấp sáng tiết kiệm điện tại các hộ gia đình, nơi làm việc, nơi công cộng; tăng cường sử dụng thiết bị đun nước nóng cho các hoạt động sinh hoạt bằng năng lượng mặt trời; sử dụng khí sinh học thay than cho đun nấu gia đình ở nông thôn; đầu tư công nghệ thu hồi nhiệt thải từ sản xuất xi măng;

c) Các dự án khuyến khích sử dụng phương tiện xanh: ô tô điện, xe máy, xe đạp điện.

d) Dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, nhà máy nhiệt điện sinh khối, nhà máy điện rác.

đ) Các dự án có áp dụng các hệ thống quản lý năng lượng thông minh, tự động hóa để điều chỉnh và tối ưu hóa hoạt động của máy móc, giảm phát thải khí nhà kính.

2. Lĩnh vực các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm: sử dụng phụ gia khoáng thiên nhiên thay thế clinker (đá vôi, Puzolan); sử dụng phụ gia là phế thải từ các ngành công nghiệp thay thế clinker.

3. Lĩnh vực nông nghiệp: các dự án áp dụng biện pháp tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp, giảm phát thải khí metan từ canh tác lúa và chăn nuôi, tăng cường sử dụng phân hữu cơ và thực hành nông nghiệp hữu cơ.

4. Lĩnh vực lâm nghiệp: các dự án bảo vệ rừng, tăng diện tích rừng để giảm phát thải khí nhà kính, nhân rộng các mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất.

5. Trong lĩnh vực chất thải:

a) Ứng dụng công nghệ mới, ưu tiên sử dụng các công nghệ tái chế chất thải rắn, sản xuất phân compost; ứng dụng công nghệ sinh học để loại bỏ CH_4 từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt; ứng dụng công nghệ giảm phát thải CH_4 từ bãi chôn lấp bằng cách đốt phát điện.

b) Các dự án có chu trình thu hồi nhiệt lượng thải ra từ quá trình sản xuất để tái sử dụng vào một số công đoạn sản xuất; Sử dụng các loại nhiên liệu sinh học (trấu, mùn cưa, bã mía), rác thải công nghiệp hoặc rác thải sinh hoạt đã qua xử lý thay cho than đá, dầu mỏ trong các lò nung, lò đốt công nghiệp (đặc biệt trong ngành sản xuất xi măng và thép).

c) Các dự án sử dụng các-bon, biến CO_2 thu hồi thành các sản phẩm có giá trị kinh tế (để sản xuất nhiên liệu tổng hợp, hóa chất, hoặc làm nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống).

6. Các lĩnh vực khác theo quy định pháp luật.



Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, quy trình đề xuất lựa chọn dự án sử dụng vốn ngân sách thành phố để tạo ra tín chỉ các-bon

1. Nguyên tắc lựa chọn dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước để tạo ra tín chỉ các-bon

- a) Thuộc danh mục các dự án theo quy định tại Điều 4 Quyết định này.
- b) Có thời gian, quy mô phù hợp với thời gian thí điểm của Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội.
- c) Đảm bảo phần giảm phát thải khí nhà kính được bán đi của dự án phù hợp với phần cam kết tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính của thành phố cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon.

2. Tiêu chí lựa chọn

Các dự án được lựa chọn khi đáp ứng đủ các tiêu chí sau:

- a) Tiêu chí 1: Dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần ngân sách thành phố thuộc danh mục dự án quy định tại Điều 4 Quyết định này.
- b) Tiêu chí 2: Dự án có tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính.
- c) Tiêu chí 3: Dự án có thời gian xây dựng hoàn thành sớm trong thời gian thí điểm của Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội.
- d) Tiêu chí 4: Dự án có quy mô giảm phát thải các-bon phù hợp để thí điểm.
- đ) Tiêu chí 5: Dự án có mức độ không quá phức tạp để phù hợp với hình thức thí điểm.
- e) Tiêu chí 6: Sự phù hợp của dự án với cam kết đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam.

3. Trình tự xây dựng danh sách tiềm năng dự án thí điểm Căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước có khả năng tạo tín chỉ các-bon gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- a) Lựa chọn danh sách tiềm năng theo các tiêu chí 1 và 2 (danh sách dài):

Căn cứ tiêu chí 1 và tiêu chí 2 quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này và danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước có khả năng tạo tín chỉ các-bon do các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp danh sách các dự án tiềm năng.

b) Lựa chọn danh sách tiềm năng theo các tiêu chí 3, 4 và 5 (danh sách ngắn):

Trên cơ sở danh sách các dự án tiềm năng (danh sách dài), Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ theo các tiêu chí 3, 4 và 5 quy định tại điểm c, d, đ khoản 2 Điều này lựa chọn danh sách rút gọn, nhằm đảm bảo tính khả thi cao cho hoạt động thí điểm (xác định theo thời gian triển khai dự án phù hợp với thời gian thí điểm, dự án dễ tính toán và xác định lượng giảm các-bon, dự án thuận lợi trong quy trình tài chính,...).

c) Lựa chọn danh sách tiềm năng cuối cùng:

Căn cứ danh sách rút gọn, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở ngành phụ trách lĩnh vực của các dự án được chọn căn cứ tiêu chí 6 quy định tại điểm e khoản 2 Điều này lựa chọn danh sách tiềm năng cuối cùng.

d) Trình Ủy ban nhân dân thành phố về lựa chọn dự án thí điểm:

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố về lựa chọn các dự án thí điểm mua bán tín chỉ các-bon.

4. Đăng ký thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và sản giao dịch tín chỉ các-bon:

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ngành phụ trách lĩnh vực hướng dẫn Chủ đầu tư dự án thực hiện đăng ký thực hiện dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ và Nghị định 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện quy trình lựa chọn dự án sử dụng vốn ngân sách thành phố để tạo ra tín chỉ các-bon, Sở Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan về các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước tạo tín chỉ các-bon

1. Dự án thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định khác có liên quan tại thời điểm thực hiện dự án.

2. Dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP): Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các quy định khác có liên quan tại thời điểm thực hiện dự án.

Điều 7. Chuẩn bị hồ sơ đưa tín chỉ các-bon ra thị trường

1. Đơn vị được giao quản lý dự án tạo tín chỉ các-bon có trách nhiệm:

- a) Xác định khối lượng tín chỉ các-bon được cấp chứng nhận.
- b) Lập phương án khai thác, bán tín chỉ các-bon theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nội dung phương án khai thác, bán tín chỉ các-bon, gồm:

- a) Việc đăng ký dự án, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.
- b) Khối lượng tín chỉ bán;
- c) Hình thức bán (bán trên sàn giao dịch các-bon hoặc đấu giá);
- d) Giá bán hoặc giá khởi điểm trong trường hợp thực hiện bán đấu giá (tham khảo giá trên sàn giao dịch các-bon hoặc thuê tư vấn định giá);
- đ) Tiêu chuẩn các-bon được áp dụng; tỷ lệ hoặc số lượng tín chỉ các-bon tối đa được chuyển giao;
- e) Nghĩa vụ tài chính liên quan đến trao đổi kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon;
- g) Cơ chế giải quyết tranh chấp (nếu có).

3. Đơn vị được giao quản lý dự án tạo tín chỉ các-bon gửi xin ý kiến của Sở, ngành liên quan về phương án khai thác, bán tín chỉ các-bon trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 8. Việc lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon hình thành từ dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon bằng hình thức bán trên sàn giao dịch: Thực hiện theo quy định pháp luật của thị trường các-bon.

2. Lựa chọn nhà đầu tư mua tín chỉ các-bon bằng hình thức đấu giá:

- a) Đơn vị được giao quản lý dự án tạo tín chỉ các-bon thuê tổ chức hành nghề đấu giá được cấp phép trong lĩnh vực giao dịch tín chỉ các-bon để tổ chức đấu giá tín chỉ các-bon.

Sc

b) Chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc trước khi tiến hành bán đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá phải niêm yết việc bán đấu giá tại nơi tổ chức đấu giá, nơi đặt trụ sở của người tổ chức đấu giá, trụ sở của đơn vị được giao quản lý dự án tạo tín chỉ các-bon và công khai trên website; thực hiện bán hồ sơ mời tham gia đấu giá và tiếp nhận hồ sơ bán đấu giá theo quy định.

Đơn vị được giao quản lý dự án tạo tín chỉ các-bon phối hợp với tổ chức hành nghề đấu giá công khai việc đấu giá trên cổng thông tin điện tử của thành phố, trên website của đơn vị.

c) Hồ sơ mời tham gia đấu giá phải có đầy đủ các nội dung sau đây: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá; Quy chế cuộc đấu giá; Phiếu trả giá trong trường hợp đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp và tài liệu liên quan đến tín chỉ các-bon thực hiện đấu giá.

3. Trình tự thực hiện đấu giá tín chỉ các-bon tại cuộc đấu giá: theo quy định về pháp luật đấu giá và các văn bản có liên quan.

4. Trên cơ sở văn bản bán đấu giá tín chỉ các-bon, tổ chức được thuê đấu giá gửi báo cáo kết quả cho đơn vị được giao quản lý dự án tạo tín chỉ các-bon. Đơn vị được giao quản lý dự án tạo tín chỉ các-bon trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá.

Trong quá trình tiến hành lựa chọn nhà đầu tư, đơn vị được giao quản lý dự án tạo tín chỉ các-bon chủ động phối hợp với các Sở, ngành liên quan (trong đó có Công an thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng) đảm bảo đánh giá năng lực nhà đầu tư (nhất là đối với các dự án có yếu tố nước ngoài, các dự án sử dụng dữ liệu môi trường, khí thải), nhằm phòng ngừa các hành vi gian lận thương mại, thao túng giá trên thị trường.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2025.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các Sở, ngành, địa phương, các đơn vị chủ trì thực hiện các dự án trong từng lĩnh vực căn cứ quy định lựa chọn nhà đầu tư phù hợp và đảm bảo các quy định hiện hành.



3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các Sở, Ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Thành ủy; TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành thành phố;
- Sở Tư pháp;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các PCVP UBND TP;
- UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh truyền hình TP;
- Các phòng trực thuộc VPUBND TP;
- Công báo TP, Cổng TTĐTTP;
- Lưu: VT, B.Đ.Hùng. *t*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân